

Thứ ba, ngày 8 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 09/10/2019		•	
Tuần 7/10-11/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù có sự khởi sắc ngay từ đầu phiên sáng nhờ đà tăng của các mã bluechips như VCB, HPG, BVH, VN-Index vẫn không giữ được sắc xanh vào những phút cuối khi áp lực từ VHM, GAS, SAB là quá lớn. Tuy nhiên, đến phiên chiều, nhóm cổ phiếu Ngân hàng gồm VCB, BID, TCB, CTG bứt phá ấn tượng đã giúp chỉ số lấy lại được mốc 985 điểm. Thị trường có phiên hồi phục theo xu hướng chung của các TTCK khác trong khu vực. Dù có sự cải thiện về điểm số, đà tăng của thị trường không được ủng hộ do thanh khoản ở mức khá thấp. **Điều này cho thấy nhà đầu tư vẫn còn khá thận trọng trong khu vực giá có nhiều rung lắc như hiện tại và thị trường tiếp tục phân hóa do hiệu ứng mùa công bố KQKD quý III.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2019, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_1.7%. 13/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **khả quan**, trong đó có tới 6/16 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(0.5%). Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu đầu ngành tài chính** - bao gồm các cổ phiếu đầu ngành tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm và Dịch vụ tài chính) về vốn hóa, thanh khoản và quy mô hoạt động - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**.

Phân tích kỹ thuật: VCB_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.13 điểm**, đóng cửa 988.22. HNX-Index **+0.19 điểm**, đóng cửa 103.92.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+2.57); BID (+0.71); HPG (+0.50); TCB (+0.42); HVN (+0.30).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.44); VHM (-0.39); SAB (-0.28); VRE (-0.17); VNM (-0.05).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,900 tỷ đồng**, **-6.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.62 điểm. Thị trường có 158 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 144 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **11.02 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VRE (24.83 tỷ), GAS (20.24 tỷ) và HPG (11.51 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **13.17 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX

988.22

Giá trị: 2900.02 tỷ

5.13 (0.52%)

Khối ngoại (ròng): -11.02 tỷ

HNX-INDEX

103.92

Giá trị: 290.75 tỷ

0.19 (0.18%)

Khối ngoại (ròng): -13.17 tỷ

UPCOM-INDEX

56.82

Giá trị: 215.11 tỷ

-0.03 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -1.59 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.0	0.47%
Giá vàng	1,499	0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,202	#DIV/0!
Tỷ giá EUR/VND	25,443	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	21,653	0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	6.00%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-1.40%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	60.1	VRE	24.8
KBC	7.8	GAS	20.2
MSN	4.5	HPG	11.6
PLX	3.4	TNA	9.0
VNM	3.3	ROS	7.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Bạn không có thời gian để đầu tư

Bạn băn khoăn với biến động thị trường

Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **13/16 danh mục** Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày **khả quan**, trong đó có tới 6/16 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(0.5%). Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu đầu ngành tài chính** - bao gồm các cổ phiếu đầu ngành tài chính (Ngân hàng, Bảo hiểm và Dịch vụ tài chính) về vốn hóa, thanh khoản và quy mô hoạt động - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.7%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Cổ phiếu đầu ngành tài chính_1.7%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	-0.9%	6.2%	7.1%	2.0%	-6.6%	36.6%
Ngân hàng	1.4%	-0.4%	6.8%	13.9%	8.4%	1.5%	81.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	-1.6%	4.2%	9.1%	9.3%	-0.5%	77.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	-2.2%	3.9%	5.3%	6.6%	2.0%	70.9%
Hàng tiêu dùng	0.6%	0.2%	4.1%	6.7%	8.3%	5.7%	63.6%
BDS & Khu công nghiệp	0.6%	-0.9%	0.3%	2.0%	1.3%	-0.2%	58.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	-4.0%	2.1%	-7.4%	-13.2%	-20.5%	40.4%
Lãi suất giảm	0.4%	-0.2%	2.6%	-1.8%	-1.6%	-0.4%	53.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	-1.2%	1.1%	0.2%	-2.2%	2.8%	77.4%
Dầu khí	0.4%	-2.8%	-2.3%	-7.0%	-6.0%	-14.5%	6.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	-2.0%	-0.9%	-7.2%	-0.5%	7.6%	46.7%
Nước & Năng lượng	0.2%	-2.0%	0.7%	-4.7%	1.2%	5.3%	56.6%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	-0.7%	2.1%	0.7%	1.7%	-5.2%	3.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	-1.0%	3.1%	-0.7%	-4.2%	-11.9%	-6.1%
Xây dựng	-0.1%	-2.2%	3.3%	-1.3%	-7.1%	-12.1%	27.5%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	-1.4%	-2.3%	-7.9%	-6.1%	-7.0%	5.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 8	1.1%	-0.4%	3.6%	7.6%	12.0%	10.4%	65.2%
Danh mục 16	1.1%	-0.1%	5.7%	7.5%	9.9%	5.1%	74.2%
Danh mục 1	1.0%	-0.5%	5.9%	10.9%	12.3%	5.3%	73.8%
Danh mục 3	0.0%	-0.8%	1.9%	1.8%	-1.7%	-10.2%	25.5%
Danh mục 11	0.0%	-1.1%	2.7%	-0.6%	-4.7%	-7.0%	78.5%
* Note	17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	1.3%	0.2%	6.1%	9.9%	11.6%	11.7%	60.7%
Danh mục 22	1.0%	-1.3%	6.3%	14.7%	15.7%	6.6%	76.6%
Danh mục 20	0.9%	0.8%	2.6%	2.2%	2.2%	3.1%	18.2%
Danh mục 24	0.1%	-2.3%	2.7%	6.7%	9.8%	3.1%	67.2%
Danh mục 25	-0.2%	-2.9%	-0.2%	4.0%	8.2%	21.2%	168.2%
* Note	6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.5%	-1.1%	1.5%	1.5%	0.2%	-0.8%	44.5%
VN30INDEX	0.9%	-1.2%	3.3%	4.9%	2.5%	-6.7%	39.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

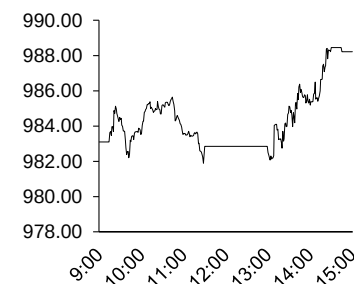
<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/8/2019

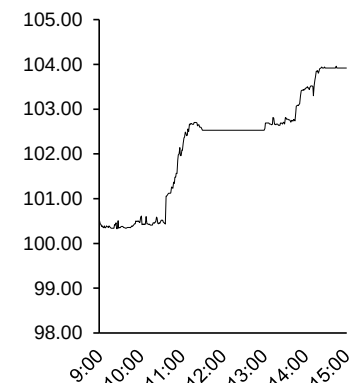
Vietnam Daily Review

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	2.0%
Ngân hàng	1.8%
Bán lẻ	1.4%
Dịch vụ tài chính	1.2%
Công nghệ Thông tin	0.9%
Bảo hiểm	0.8%
Du lịch và Giải trí	0.8%
Truyền thông	0.6%
Ô tô và phụ tùng	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2%
Y tế	0.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Hóa chất	0.1%
Viễn thông	0.0%
Dầu khí	-0.1%
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%
Bất động sản	-0.1%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VCB_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá dài hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Như đã cập nhật trong báo cáo tuần 37 cũng như báo cáo doanh nghiệp, VCB đang ở trong xu hướng tăng giá dài hạn. Bên cạnh đó, những phiên gần đây cổ phiếu này cũng đã xác nhận vượt qua được ngưỡng kháng cự tại giá 82. Thanh khoản có chiều hướng tăng trở lại. Các chỉ báo kỹ thuật đang ở trạng thái tích cực, trong đó RSI chưa chạm đến vùng quá mua, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Theo đánh giá của chúng tôi, VCB sẽ sớm tiến đến tiếp cận mục tiêu tiếp theo tại khu vực xung quanh 90.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Chúng tôi điều chỉnh dự báo của VCB lần lượt TOI và PBT trong năm 2019 +0.6%/+8.8% với việc thay đổi giả định về CIR = 36% (sv 41% với dự báo trước).

Catalyst

Bán vốn chiến lược cho cổ đông GIC (còn 7% room khối ngoại).
Deal Bancassurance có thể ký trong năm 2020 (1 tỷ USD).

Luận điểm đầu tư

Quy mô lớn và được cải thiện mạnh về lợi nhuận. Trong 1H2019, VCB đã ghi nhận TOI = 17,078 tỷ VND (+31.4% yoy), PBT = 11,303 tỷ VND (+41% yoy). Thu nhập lãi thuần trong 1H2019 +31.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay: (1) Tăng trưởng tín dụng +9.7% ytd, (2) NIM = 3.27%. Thu nhập ngoài lãi -3.1% yoy, kỳ vọng từ mảng bảo hiểm được ký kết độc quyền. Chất lượng tài sản được đánh giá cao. NPL = 1.01%, là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất ngành nếu xét về quy mô lớn. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 178%, cao nhất trong hệ thống ngân hàng. LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức thấp giúp đảm bảo thanh khoản, CAR Basel II = 9.8%.

Rủi ro Đầu tư

Định giá cao (P/B = 4x)

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: VCB 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 08/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 08/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	52.96	0.21%	-2.07%	-7.06%	-28.73%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.47	0.17%	-3.81%	-5.48%	-30.32%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.58	0.09%	-1.85%	-0.59%	-24.76%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1493.84	-0.67%	1.48%	-0.33%	25.78%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.43	-0.61%	2.62%	-2.89%	21.62%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	910.91	-0.46%	0.54%	7.80%	4.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	491.75	0.25%	-0.81%	3.64%	-4.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.48	0.93%	1.09%	2.27%	16.67%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.00	0.00%	-4.79%	-10.24%	-6.41%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.52	-1.88%	5.03%	14.65%	-3.25%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.09	0.00%	-1.90%	-8.04%	-10.95%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	97.00	-2.02%	-4.10%	2.11%	-13.28%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.57	0.53%	0.27%	-1.50%	-6.66%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3653.00	-0.52%	-1.03%	0.22%	-21.03%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1719.00	0.06%	-0.92%	-3.64%	-16.84%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	0.00%	1.64%	1.09%	33.81%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.03	2.54%	-3.70%	1.32%	-39.06%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Giá dầu thô Trung Tây Texas kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 6 US cent tương đương 0.11% xuống 52.75 USD/thùng. Giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2 US cent tương đương 0.03% xuống 58.35 USD/thùng.
- Kỳ vọng tiến triển các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung đã giúp giá dầu tăng trong đầu phiên giao dịch. Tuy nhiên, Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết, có thể đạt được 1 thỏa thuận thương mại về các vấn đề mà cả Mỹ và Trung Quốc đã đồng ý, trong khi các vấn đề khó khăn hơn sẽ được giải quyết trong năm tới. Điều này đã khiến giá dầu giảm trở lại.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay giảm 0.9% xuống 1,491.5 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 0.6% xuống 1,504.4 USD/ounce.
- Vàng giảm gần 1% do thị trường chứng khoán và đồng USD tăng sau bình luận tích cực từ Bắc Kinh và Washington, thúc đẩy lạc quan về 1 thỏa thuận thương mại song phương trước các cuộc đàm phán cấp cao trong tuần này.

Giá đồng

- Chốt phiên, giá đồng kỳ hạn tăng 1.4% lên 5,720 USD/tấn. Giá chì kỳ hạn tăng 1.3% lên 2,189 USD/tấn.
- Giá đồng tăng trước các cuộc đàm phán thương mại mới Mỹ - Trung trong tuần này, song Bắc Kinh lưỡng lự đồng ý 1 thỏa thuận rộng rãi với hy vọng giải quyết nhanh chóng.

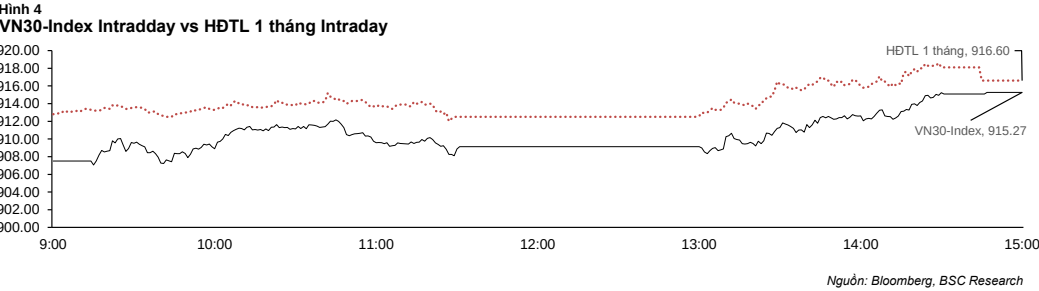
Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2 US cent tương đương 2% xuống 0.97 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 giảm 39 USD tương đương 3% xuống 1,253 USD/tấn.
- Giá đường thô giao tháng 3/2020 giảm 0.24 US cent tương đương 1,7% xuống 12.52 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 5.9 USD tương đương 1.6% xuống 339.6 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tại Tokyo tháng 3/2020 giảm 1.2 JPY xuống 155.9 JPY (1.46 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2019 tại Singapore tăng 0.1% lên 125. 2 US cent/kg. Giá cao su tại Tokyo giảm khi một thương nhân cao su lớn tại Trung Quốc bị đình chỉ hoạt động dè dặt tâm lý thị trường và gây áp lực giá.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	916.60	0.48%	1.33	23.4%	84929	10/17/2019	11
VN30F1911	917.30	0.57%	2.03	28.4%	393	11/21/2019	46
VN30F1912	915.10	0.55%	-0.17	-53.5%	53	12/19/2019	74
VN30F2003	913.50	0.30%	-1.77	-17.2%	24	3/19/2020	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 7.77 điểm lên mức 915.27 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, STB, VCB, và MWG tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 phục hồi tích cực lên vùng giá 910-912 trong phiên sáng, điều chỉnh giảm về cuối phiên. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục tăng tích cực, vượt lên trên mốc 915 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ và các chỉ báo kỹ thuật cho thấy chỉ số có thể tiếp tục tích lũy tại ngưỡng giá 915 trong ngắn hạn.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1910, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu động lực tăng trong ngắn hạn và điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CSTB1901	KIS	1/9/2020	93	1:1	195,480	122.8%	3.0 triệu	21.45%	1,390	1,740	19.18%	601.10
CHPG1906	KIS	11/14/2019	37	2:1	112,220	157.5%	2.0 triệu	28.58%	1,500	380	15.15%	1.30
CMWG1906	MBS	12/16/2019	69	5:1	85,180	-71.2%	3.0 triệu	20.45%	2,850	2,900	9.02%	1,216.70
CDPM1901	KIS	1/9/2020	93	1:1	3,430	-89.4%	5.0 triệu	26.48%	1,900	2,510	7.26%	982.50
CMWG1903	HSC	12/30/2019	83	5:1	32,540	-74.0%	1.8 triệu	20.45%	2,700	6,550	5.65%	5,795.80
CFPT1904	MBS	11/19/2019	42	3:1	66,990	-39.1%	2.0 triệu	20.21%	1,700	2,690	3.46%	1,532.10
CFPT1903	SSI	12/30/2019	83	1:1	10,760	-85.1%	1.0 triệu	20.21%	6,000	13,100	2.34%	11,464.30
CHPG1905	SSI	12/30/2019	83	1:1	114,380	471.0%	1.0 triệu	28.58%	3,300	2,200	2.33%	798.40
CMWG1902	VND	12/11/2019	64	4:1	42,910	-43.1%	5.0 triệu	20.45%	2,990	9,000	2.27%	8,436.70
CMSN1901	KIS	11/14/2019	37	5:1	76,270	67.6%	2.0 triệu	22.84%	1,920	970	2.11%	12.40
CVRE1901	KIS	11/14/2019	37	2:1	42,290	-63.5%	5.0 triệu	26.50%	1,900	720	1.41%	0.40
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	62	5:1	10,790	-80.1%	1.5 triệu	20.45%	5,600	7,100	1.14%	5,953.70
CNVL1901	KIS	2/7/2020	122	4:1	10	-99.9%	2.5 triệu	19.99%	1,900	2,780	0.72%	929.40
CREE1901	MBS	11/19/2019	42	3:1	135,630	-16.8%	3.0 triệu	23.30%	1,260	1,410	0.71%	514.50
CMWG1904	SSI	12/30/2019	83	1:1	16,980	4.9%	2.0 triệu	20.45%	14,000	38,000	0.00%	33,968.10
CVHM1901	KIS	2/7/2020	122	4:1	17,110	406.2%	1.5 triệu	27.24%	3,100	3,960	-0.25%	1,405.20
CMBB1902	HSC	12/17/2019	70	1:1	69,630	-28.7%	1.0 triệu	18.51%	3,200	3,900	-1.27%	1,394.70
CVNM1901	KIS	12/13/2019	66	10:1	715,140	8.7%	1.5 triệu	18.81%	1,200	700	-1.41%	2.00
CVIC1901	KIS	11/14/2019	37	5:1	68,860	21.5%	5.0 triệu	20.90%	1,960	930	-4.12%	1.80
CHPG1902	KIS	12/11/2019	64	5:1	723,710	76.7%	1.0 triệu	28.58%	1,000	130	-7.14%	0.01

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2019, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CHPG1906 và CSTB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 15.15%, và 19.18%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 0.17%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 30% thị trường.
- Ngoại trừ CVHM1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	21.90	2.82	1.39
TCB	23.55	1.73	1.27
STB	11.00	4.76	1.19
VCB	85.10	2.78	0.95
MWG	123.00	1.65	0.80

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	88.6	-0.45	-0.20
VRE	31.3	-0.79	-0.15
GMD	26.6	-1.48	-0.15
SAB	258.5	-0.58	-0.15
EIB	16.8	-0.59	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB1901	12,278	10,888	11,000
CHPG1906	31,088	28,088	21,900
CMWG1906	135,150	120,900	123,000
CDPM1901	15,888	13,988	14,600
CMWG1903	25,800	95,000	123,000
CFPT1904	57,100	52,000	56,100
CFPT1903	56,154	45,140	56,100
CHPG1905	93,300	23,100	21,900
CMWG1902	48,130	90,000	123,000
CMSN1901	98,488	88,888	76,900
CVRE1901	44,688	40,888	31,250
CMWG1905	122,000	94,000	123,000
CNVL1901	69,688	62,088	62,600
CREE1901	41,330	37,550	38,000
CMWG1904	165,000	90,000	123,000
CVHM1901	102,288	89,888	88,600
CMBB1902	26,300	21,800	22,700
CVNM1901	46,340	156,285	129,000
CVIC1901	150,688	140,888	117,100
CHPG1902	166,285	41,999	21,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	123.0	1.7%	0.7	2,368	3.3	7,893	15.6	5.2	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	79.7	0.9%	1.0	771	0.7	4,727	16.9	4.3	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	71.9	1.7%	1.3	2,191	0.4	1,505	47.8	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	31.4	-4.0%	0.7	316	0.6	3,061	10.3	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	117.1	0.1%	1.1	17,035	1.8	1,643	71.3	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.3	-0.8%	1.1	3,164	3.2	1,033	30.3	2.6	31.6%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.6	0.2%	0.8	2,532	0.9	3,579	17.5	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	38.0	2.7%	1.0	512	1.2	5,261	7.2	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.4	1.2%	1.4	377	1.7	3,744	4.4	1.1	46.7%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.4	1.4%	1.3	473	1.2	1,997	10.7	1.2	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.7	3.3%	1.0	248	0.0	5,067	6.8	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.8	1.8%	1.4	303	0.9	1,434	15.9	1.7	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	56.1	1.1%	0.8	1,654	3.2	4,349	12.9	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	99.9	-0.8%	1.5	8,313	1.9	6,066	16.5	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	58.3	0.2%	1.5	3,018	0.9	3,350	17.4	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.4	-1.1%	1.7	382	1.9	2,397	7.7	0.7	23.0%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	4.3%	0.8	1,308	1.7	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.5	-0.3%	0.5	520	0.0	4,616	19.8	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	2.8%	0.7	248	0.5	853	17.1	0.7	19.0%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	0.0%	0.6	170	0.1	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.1	2.8%	1.3	13,723	5.3	4,729	18.0	4.1	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.1	1.7%	1.5	6,109	1.1	2,091	19.7	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.8	1.0%	1.6	3,359	1.0	1,470	14.1	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.0	1.1%	1.2	2,350	5.9	2,989	7.4	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.7	1.3%	1.1	2,253	4.8	3,215	7.1	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.3	0.4%	1.1	1,642	1.2	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.1	-0.7%	0.9	189	0.3	5,017	10.6	1.8	78.3%	17.1%
NTP	Nhựa	38.9	-0.3%	0.3	151	0.0	4,490	8.7	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	2.5%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.9	2.8%	1.0	2,629	3.7	2,760	7.9	1.4	37.8%	19.9%
HSG	Thép	7.2	-1.4%	1.5	132	0.7	425	16.8	0.6	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	129.0	-0.1%	0.8	9,767	3.0	5,465	23.6	7.9	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	258.5	-0.6%	0.8	7,207	0.1	6,735	38.4	9.5	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.9	0.5%	1.2	3,908	0.9	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.9	0.6%	0.5	409	1.2	542	33.0	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	74.3	-0.3%	0.8	7,033	0.1	2,630	28.3	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	137.4	0.0%	1.1	3,129	3.0	9,850	13.9	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	33.4	2.1%	1.7	2,057	0.5	1,747	19.1	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.6	-1.5%	0.8	343	0.7	1,888	14.1	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.1	2.1%	0.6	209	0.5	2,435	7.0	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	93.8	-1.8%	0.9	639	2.6	7,667	12.2	4.8	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	0.0%	0.8	370	0.2	1,327	14.3	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-2.6%	0.8	252	0.3	1,657	9.2	1.1	6.2%	11.7%
CTD	Xây dựng	90.6	-0.7%	0.7	301	0.1	13,535	6.7	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.4	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	25.1	2.7%	0.5	270	2.0	387	64.9	1.2	52.1%	1.9%
POW	Điện	13.0	-0.4%	0.6	1,319	1.0	820	15.8	1.2	14.5%	7.8%
NT2	Điện	23.8	0.0%	0.6	298	0.1	2,241	10.6	1.7	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.10	2.78	2.52	1.46MLN
BID	41.10	1.73	0.71	650420.00
HPG	21.90	2.82	0.49	3.98MLN
TCB	23.55	1.73	0.41	1.94MLN
HVN	33.35	2.14	0.29	335530.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	0.43	0.17	1.16MLN
DL1	22.00	6.28	0.06	200.00
VIX	6.10	7.02	0.03	27400.00
PGS	31.00	2.31	0.02	600.00
PVX	1.30	8.33	0.02	405000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	99.90	-0.79	-0.45	425630.00
VHM	88.60	-0.45	-0.40	315010.00
SAB	258.50	-0.58	-0.28	4820.00
VRE	31.25	-0.79	-0.17	2.32MLN
VNM	129.00	-0.08	-0.05	537440.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	93.80	-1.78	-0.06	642100.00
PVS	18.40	-1.08	-0.05	2.38MLN
PVI	31.40	-3.98	-0.05	428700.00
CEO	9.80	-1.01	-0.02	3.03MLN
DGC	26.60	-0.75	-0.02	48200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
JVC	4.13	6.99	0.01	1.71MLN
TCO	12.25	6.99	0.00	110.00
FTM	4.75	6.98	0.01	178660.00
TSC	2.77	6.95	0.01	3.00MLN
NAV	8.07	6.89	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	7600.00
HKB	0.70	16.7	0.01	106400.00
KTS	11.10	9.9	0.00	4800.00
VTG	16.80	9.8	0.00	200.00
SGD	10.20	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LSS	4.94	-6.97	-0.01	19150.00
TDW	22.20	-6.72	0.00	500.00
FDC	16.00	-5.88	-0.01	1280.00
VDP	32.05	-5.74	-0.01	240.00
TMT	5.51	-5.65	0.00	1250.00

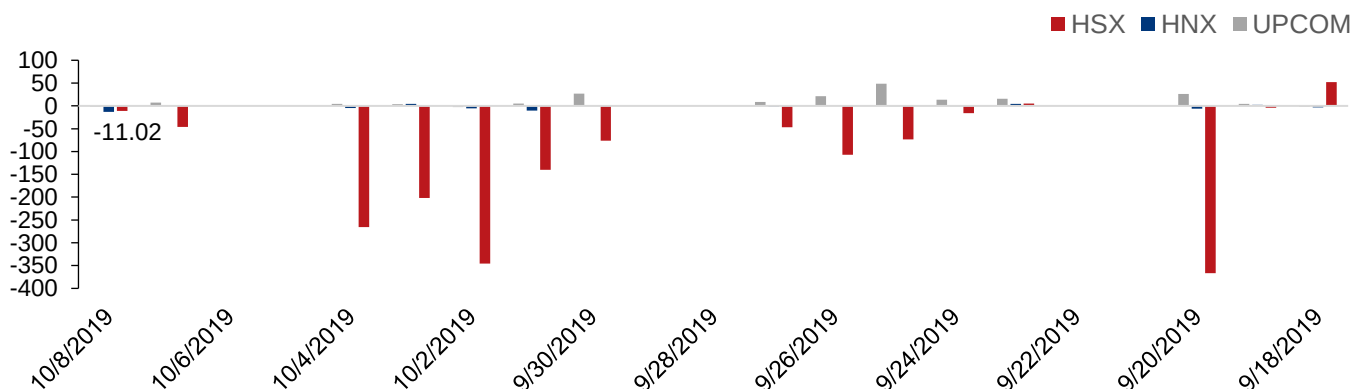
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	119200.00
LDP	23.60	-9.92	0.00	1200.00
TKC	9.10	-9.90	-0.01	1900.00
VSA	18.50	-9.76	-0.01	1200.00
BTW	24.30	-9.67	-0.01	5500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.0	3,672	10.3	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.9	3,304	23.3	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.0	5,465	23.6	7.9	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,680	8.3	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.0	5,261	7.2	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.5	18,865	4.2	1.6	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.8	2,076	4.7	0.7	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.3	4,469	5.2	1.2	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.8	1,098	13.5	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.1	4,729	18.0	4.1	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.5	1,295	18.1	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.7	3,215	7.1	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.0	2,801	19.6	3.2	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.6	1,888	14.1	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.5	3,705	7.9	2.1	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.1	4,349	12.9	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.8	649	21.3	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	123.0	7,893	15.6	5.2	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	79.7	4,727	16.9	4.3	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.0	5,276	10.4	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn